

# 見る力に関するチェックシート

## Bảng kiểm tra năng lực nhận biết qua mắt

おうちのかたへ

### Gửi tới các vị phụ huynh

「人間は目から 80%の情報を得る」と言われております。しかし、最近の子どもの見る力に様々な問題があることがわかってきました。

Người ta nói rằng “Con người tiếp nhận 80% thông tin qua mắt. Tuy nhiên, gần đây trẻ em thường mắc phải những vấn đề về nhận biết thông qua mắt.”

例えば・・・

Ví dụ・・・

① 写して書くのが苦手。(授業中、黒板から教科書に視線移動したときやノートに視線移動したときに、見づらいことがありますうまくノートに書けない。)

Không giỏi việc chép lại. (Trong giờ học, khó nhìn và không thể ghi chép tốt vào vở ghi khi di chuyển tầm nhìn từ bảng đen xuống sách giáo khoa hay di chuyển tầm nhìn đến vở ghi)

② 身体能力はあるのに、球技が苦手。(飛んでくるボールの距離がわからず、なかなかキャッチできない。)

Có thể lực tốt nhưng không giỏi chơi bóng chày. (Không biết khoảng cách bóng bay tới, không thể bắt bóng.)

③ 落ち着きがない。(実は周りがよく見えず、状況がわからないため、そわそわしてしまう。)

Bồn chồn lo lắng.( Thực ra không thể nhìn rõ xung quanh, không hiểu rõ tình trạng nên thấy bồn chồn.)

上記の状態は、いずれも見る力に問題があってみられる現象です。

Những trạng thái trên đây cũng là hiện tượng của vấn đề về năng lực nhận biết qua mắt.

お子様には、どんな風に見えるか質問しても、うまく答えられない場合がある為うやむやになってしまいます。お子様が小さいうちに、周りの大人がいち早くこの状態を把握し、対策をとることが大切です。

Đối với trẻ em, khi được hỏi nhìn như thế nào, nếu không thể trả lời rõ ràng sẽ ngập ngừng mơ hồ. Ngay từ khi trẻ còn nhỏ, người lớn xung quanh phải nắm bắt tình hình để thực hiện các biện pháp đối phó.

チェックシートに関して

Về phiếu kiểm tra

◎右側チェックシートの「2. だいたいあてはまる」または、「3.よくあてはまる」の数が

7個以上の場合は、お近くの小児眼科医へのご相談をお勧めいたします。

Phía bên phải phiếu kiểm tra nếu số lượng [2. Đại khái đúng] hoặc [3. Rất đúng] trên 7, khuyến khích đưa trẻ đến tư vấn tại phòng khám mắt nhi khoa nơi gần nhất.

監修:大阪医大 LD センターオプトメトリスト奥村智人先生

発行元:NPO「みるみえる」

Giám sát: Tiến sĩ Tomoto Okumura, Optometlist của Trung tâm LD, Đại học Y khoa Osaka

Nhà xuất bản: NPO "Mirumieru"

0→あてはまらない  
1→少しだけあてはまる  
2→だいたいあてはまる  
3→よくあてはまる

Không đúng  
Đúng một chút  
Đại khái đúng  
Rất đúng

- 動いているボールやおもちゃを目で追ったり、取ったりするのが苦手である。  
Kém trong việc bắt bóng hoặc đồ chơi bay tới gần mắt.
- 物を見る時、顔を傾ける(例、横目で見る、上目使いで見る、顔を横に傾けてみる など)  
Nghiêng đầu khi nhìn vật(ví dụ: nhìn sang một bên, nhìn lên, nghiêng mặt sang một bên, v.v.)
- 指をさしたり、提示されたりした物をすばやく見つけられない  
Không thể nhanh chóng tìm thấy vật được chỉ hoặc hiển thị
- 両方の目が同じ方向を見ていないことがある  
Có lúc 2 bên mắt không cùng nhìn về 1 hướng
- つまずいたり、物や人にぶつかったりすることが多い  
Hay vấp, hay va vào người hoặc vật khác
- ぬり絵やなぞり書きが苦手  
Kém tô màu và viết theo dấu
- 目に見える位置の衣服のボタンのとめはずしが苦手  
Kém trong việc tháo nút ở các vị trí dễ nhìn thấy
- 手元をあまり見ずに遊んだり、作業したりする  
Chơi hay làm việc mà không nhìn vào tay nhiều
- 絵本などを見る時細かい部分に気づかない  
Khi đọc truyện tranh thường không để ý những chi tiết nhỏ
- 下り階段や平均台など段差のある場所を怖がる  
Sợ những nơi có khoảng cách chênh lệch như bước xuống cầu thang hoặc bậc thăng bằng
- 目を細めて物を見る  
Hay nheo mắt nhìn mọi thứ
- 先生の示す見本や、まわりの子どもの様子を見て行動することができない  
Không thể làm theo giáo viên hướng dẫn mẫu hoặc những bạn xung quanh
- 物を見る時に、しばしば目をこすったり、まばたきをしたりする  
Thường dụi mắt, chớp mắt khi nhìn
- 片目をつぶって見る  
Nhắm một bên mắt để nhìn
- 物を見る時、必要以上に顔を近づける  
Khi nhìn vật, tiến gần mặt lại quá mức cần thiết

0	1	2	3
0	1	2	3
0	1	2	3
0	1	2	3
0	1	2	3
0	1	2	3
0	1	2	3
0	1	2	3
0	1	2	3
0	1	2	3
0	1	2	3
0	1	2	3
0	1	2	3
0	1	2	3
0	1	2	3

小計  
Tổng phụ

--	--	--	--

合計  
Toàn bộ

--	--	--	--

「大阪医大 LDセンター 幼児~1年生用見る力チェックリストからの抜粋」  
[Trích từ bảng kiểm tra năng lực nhận biết qua mắt cho trẻ đến 6 tuổi - Trung tâm LD đại học y Osaka]